



Một số gợi ý chính sách

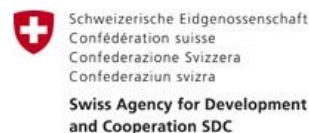
Do các yếu tố lịch sử để lại, Việt Nam có nền kinh tế yếu và phát triển muộn. Các nền kinh tế khác trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc v.v. đều đã phát triển hơn nhiều kinh tế Việt Nam. Do đó, để có thể thu hẹp khoảng cách, Việt Nam cần phải tăng trưởng nhanh hơn các nước láng giềng và phải duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian dài.

Ngày nay, lực lượng lao động của Việt Nam đã đạt tới một mức ổn định và không phát triển thêm. Do đó, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào việc tăng năng suất lao động. Thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế của Việt Nam chính là tốc độ tăng năng suất thấp. Trong 10 năm qua, tốc độ tăng trưởng năng suất trung bình ở Việt Nam thấp hơn 4% một năm. Theo ước tính, nếu Việt Nam có thể duy trì tốc độ tăng năng suất là 5% mỗi năm trong 20 năm tới thì GDP bình quân đầu người của Việt Nam vào năm 2035 vẫn thấp hơn so với GDP bình quân đầu người của Thái Lan tại thời điểm năm 2014. Làm thế nào để thúc đẩy tăng năng suất và duy trì bền vững trong thời gian dài hiện đang là câu hỏi quan trọng nhất về chính sách ở Việt Nam.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi nhận thấy rằng khu vực phi chính thức ở Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc tạo công ăn việc làm cho phần lớn lực lượng lao động. Tuy nhiên, chất lượng công việc và năng suất của người lao động trong khu vực phi chính thức này thấp hơn nhiều so với những người lao động làm trong khu vực chính thức. Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa hiện nay trở thành nguồn tạo ra công ăn việc làm lớn nhất trong khu vực chính thức, trong khi các doanh nghiệp lớn vẫn là những đơn vị sử dụng nhiều lao động nhất. Trong ngắn hạn, chính các doanh nghiệp lớn chứ không phải các doanh nghiệp nhỏ mới là yếu tố quan trọng nhất đối với những công việc chính thức tại Việt Nam. Tuy nhiên, về dài hạn, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ của Việt Nam sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc tạo ra việc làm mới, và do đó cũng giúp cho việc chính thức hóa công ăn việc làm tại Việt Nam.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng việc mở rộng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân tại Việt Nam sẽ đi kèm với hiện đại hóa trang thiết bị và sử dụng những lao động có tay nghề cao. Trong khi đó, thực tế tại Việt Nam, các doanh nghiệp vừa và chủ yếu sử dụng nguồn lao động có tay nghề thấp. Điều này chỉ ra rằng để chính thức hóa việc làm cần phải cải thiện lực lượng lao động. Việc thiếu kỹ năng cần thiết sẽ là trở ngại lớn nhất để người lao động có được việc làm trong khu vực chính thức.

Chúng tôi cũng tìm thấy bằng chứng rằng việc đầu tư vào giáo dục có ảnh hưởng đến cơ hội có được việc làm tại Việt Nam. Tuy nhiên, ảnh hưởng này không quá lớn. Chúng tôi ghi nhận rằng có sự





không phù hợp giữa nhu cầu sử dụng lao động và nguồn cung của các đơn vị giáo dục. Học viên tốt nghiệp từ các trung tâm đào tạo nghề có xu hướng kiếm được một công việc hài lòng. Tóm lại, giáo dục và đào tạo là rất quan trọng cho việc làm, nhưng cần phải có sự hài hòa giữa khâu đào tạo tại trường lớp với các đơn vị sử dụng lao động để sự không phù hợp này được giữ ở mức tối thiểu nhằm tăng hiệu quả kinh tế-xã hội.

Dựa trên các bằng chứng từ nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một số chính sách nhằm thúc đẩy và duy trì năng suất lao động ở Việt Nam như sau.

Vì năng suất lao động tại khu vực phi chính thức là khá thấp và gần như không phát triển, khu vực phi chính thức chính là trở ngại lớn đối với việc nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam. Chính thức hóa khu vực này bằng cách thúc đẩy việc khởi sự kinh doanh là chính sách quan trọng để nâng cao năng suất và chất lượng công việc, do đó mức sống cũng sẽ được cải thiện đáng kể. Việt Nam cần cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp mới thành lập, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài hơn để tận dụng các lợi thế của mình như: lao động giá rẻ, thành viên của TPP, và vị trí chiến lược... Các ngành công nghiệp thâm dụng lao động cần được khuyến khích để khai thác có hiệu quả hơn nguồn lao động dư thừa trong khu vực phi chính thức của Việt Nam.

Ngoài ra, lượng lao động dư thừa trong nông nghiệp sẽ cản trở cải cách sản xuất nông nghiệp từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn. Hiện nay, mỗi hộ gia đình ở Việt Nam đều có những mảnh đất nhỏ để trang trải cuộc sống của họ. Chính sách đất đai này cung cấp cho nông dân tài sản quan trọng nhất để giúp họ thoát khỏi cảnh đói nghèo. Tuy nhiên, do những miếng đất này nhỏ và nằm rải rác nên việc áp dụng công nghệ mới trong sản xuất (tưới, bón phân, nuôi trồng, thu hoạch,...) sẽ rất tốn kém. Nếu việc đầu cơ tích trữ ruộng đất được khuyến khích, nhiều hộ nông dân có thể tái nghèo vì họ sẽ mất hết những tài sản cần thiết. Vì vậy, để giúp cho việc chuyển sản xuất nông nghiệp từ quy mô nhỏ sang quy mô lớn, lao động cần phải được rút dần ra khỏi ngành nông nghiệp tới một mức độ nhất định. Hiện nay, năng suất lao động trong ngành nông nghiệp chỉ bằng khoảng một phần tư năng suất lao động trong ngành sản xuất và xây dựng, hay chỉ bằng một phần ba năng suất lao động ở ngành dịch vụ, do đó việc chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang các ngành sản xuất và dịch vụ không chỉ nâng cao năng suất lao động trong ngành nông nghiệp mà còn nâng cao năng suất của những lao động được di chuyển. Việt Nam cần loại bỏ các rào cản đối với việc di chuyển lao động từ nông nghiệp sang các ngành sản xuất và dịch vụ. Một số trở ngại lớn nhất cần được loại bỏ như: thủ tục bắt buộc phải có hộ khẩu; nhà ở cho người lao động di cư; thiết bị và dịch vụ cần thiết cho người lao động di cư như trường học cho con em của họ, dịch vụ y tế,... Doanh nghiệp nên hợp lại thành các cụm công nghiệp, khu kinh tế để tạo điều kiện thuận lợi cho chính phủ trong việc cung cấp nhà ở, y tế và giáo dục cho người lao động di cư.

Trong khu vực chính thức, sáng tạo và năng động nhất trong việc nâng cao năng suất là các doanh nghiệp vừa và lớn. Các doanh nghiệp này phải cạnh tranh với các công ty quốc tế tại thị trường



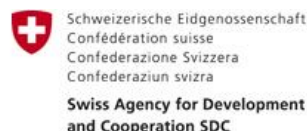


trong và ngoài nước. Họ có động lực và nguồn lực để đầu tư vào nghiên cứu và phát triển. Để nâng cao năng suất của khu vực chính thức, một mặt Việt Nam cần có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ phát triển, trở thành những doanh nghiệp vừa và lớn hơn. Mặt khác, Việt Nam cần thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và phát triển để duy trì khả năng cạnh tranh với các đối thủ quốc tế.

Giáo dục và đào tạo đóng một vai trò quan trọng trong việc chính thức hóa việc làm và nâng cao năng suất. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục là vấn đề đáng quan tâm. Thị trường lao động càng cạnh tranh thì nhu cầu giáo dục càng nhiều. Sự không phù hợp giữa kỹ năng đào tạo tại trường lớp và những yêu cầu thực tiễn từ các doanh nghiệp khiến hiệu quả đầu tư trong giáo dục chưa cao. Một mặt, Việt Nam cần khuyến khích mọi thành phần (tư nhân, nước ngoài và nhà nước) đầu tư vào giáo dục, đặc biệt là trong đào tạo nghề nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành công nghiệp thâm dụng lao động. Mặt khác, Việt Nam cần có những chính sách thích hợp để xóa bỏ các khoảng cách giữa lý thuyết tại trường lớp và thực tế tại doanh nghiệp; đào tạo và giáo dục phải hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp để giảm thiểu khoảng cách.

Các doanh nghiệp dẫn đầu trong khu vực phi chính thức nên vươn ra quốc tế để làm quen với áp lực cạnh tranh và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Nhằm nâng cao năng suất lao động, các doanh nghiệp hàng đầu trong nước nên tiếp cận và có cơ chế bù đắp năng suất lao động cho các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Có rất nhiều công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam như Samsung, Canon, Intel, Microsoft, ...; việc tiếp nhận các doanh nghiệp địa phương vào chuỗi giá trị toàn cầu của các công ty trên là chính sách quan trọng. Chính phủ nên đóng vai trò là cầu nối cho sự hợp tác giữa các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp địa phương. Một chính sách khác là khuyến khích các tập đoàn lớn trong nước tự xây dựng chuỗi giá trị toàn cầu riêng của mình. Để thực hiện các chính sách này thì việc xây dựng các cụm công nghiệp là điều kiện cần. Vì vậy, một mặt Việt Nam cần hỗ trợ các doanh nghiệp hàng đầu tham gia vào quá trình nghiên cứu, phát triển và nâng cấp công nghệ để thu hẹp khoảng cách với thế giới; mặt khác, khuyến khích những doanh nghiệp hàng đầu và doanh nghiệp nhỏ hợp thành các cụm công nghiệp để có thể bù đắp năng suất cho các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

This research received financial support from the **Swiss Agency for Development and Cooperation** and the **Swiss National Science Foundation** under the **Swiss Programme for Research on Global Issues for Development**. The project *"Employment Effects of Different Development Policy Instruments"* is based at the World Trade Institute of the University of Bern, Switzerland.





Swiss Programme for Research
on Global Issues for Development